

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình: **Sư phạm Ngữ Văn**
Trình độ đào tạo: **Đại học**
Ngành đào tạo: **Sư phạm Ngữ Văn**
Mã số: **7140217**
Hình thức đào tạo: **Chính quy**

1. Mục tiêu, chuẩn đầu ra

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo đại học ngành Sư phạm Ngữ văn có mục tiêu đào tạo đội ngũ giáo viên có đủ kiến thức, năng lực, phẩm chất và năng động đáp ứng được yêu cầu của xã hội trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo. Hình thành và rèn luyện các năng lực nghề nghiệp, năng lực sư phạm cốt lõi cho sinh viên (SV), qua đó góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực cho người giáo viên tương lai.

Sinh viên Sư phạm Ngữ văn tốt nghiệp ra trường

- *Nắm vững kiến thức chuyên ngành:* Người học nắm vững những kiến thức cơ bản, toàn diện và hệ thống về lí luận văn học, văn học Việt Nam, văn học nước ngoài, lí luận ngôn ngữ và Việt ngữ học.

Đối với kiến thức ngôn ngữ: trang bị tri thức về lí luận ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, ngữ nghĩa, văn bản, ngữ dụng, phong cách...) và tiếng Việt (nguồn gốc, đặc điểm, các đơn vị ngôn ngữ, phong cách học...) cùng những quy tắc, cách thức sử dụng tiếng Việt hiệu quả đáp ứng yêu cầu dạy học tiếng Việt ở phổ thông.

Đối với kiến thức văn học Việt Nam, văn học nước ngoài: trang bị những kiến thức về tác phẩm, tác giả, giai đoạn, khuynh hướng, trào lưu văn học dưới các góc nhìn lịch sử, thể loại.

Đối với kiến thức lí luận văn học: trang bị những khái niệm công cụ giúp người học nắm bắt và vận dụng vào việc nghiên cứu, phân tích, đánh giá các hiện tượng văn học (tác phẩm, tác giả, trào lưu, khuynh hướng...).

Đối với kiến thức chữ Hán, chữ Nôm: trang bị cho người học những hiểu biết về lịch sử hình thành, đặc điểm cấu tạo và thành tựu văn học chữ Hán, chữ Nôm nhằm giúp người học đọc hiểu văn bản Hán Nôm.

- *Nắm vững kiến thức về phương pháp:* Người học nắm vững những kiến thức chung về phương pháp nghiên cứu khoa học, phương pháp dạy học và phương pháp dạy học môn Ngữ văn; các kĩ năng đọc hiểu văn bản và tạo lập văn bản (làm văn).

Đối với phương pháp nghiên cứu khoa học, người học nắm vững và biết tổ chức nghiên cứu khoa học chuyên ngành và khoa học giáo dục.

Đối với phương pháp dạy học, người học nắm vững kiến thức về phương pháp và công nghệ dạy học nói chung, phương pháp dạy học ngữ văn nói riêng để lựa chọn các

phương pháp, phương tiện dạy học phù hợp với mục tiêu, đối tượng, hình thức tổ chức và nội dung dạy học.

1.2. Chuẩn đầu ra

1.2.1. Về kiến thức

1.2.1.1. Nắm được các kiến thức cơ bản toàn diện và hệ thống về lý luận văn học, văn học Việt Nam, văn học nước ngoài, lý luận ngôn ngữ và Việt ngữ học;

- Nắm vững và vận dụng phương pháp, kỹ thuật dạy học Ngữ văn hiện đại.

1.2.1.2. Nắm vững kiến thức cơ bản các môn Lý luận Chính trị, được nhà trường cấp chứng chỉ; nắm được kiến thức cơ bản môn Pháp luật đại cương;

- Hoàn thành chương trình GDTC và GDQP, được nhà trường cấp chứng chỉ/chứng nhận;

- Có kiến thức cơ bản về các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, giáo dục học, tâm lý học lứa tuổi để phục vụ công tác giáo dục nghề nghiệp.

1.2.1.3. Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc;

- Sinh viên đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin theo Thông tư số: 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 11/3/2014.

1.2.1.4. Lập kế hoạch dạy học theo chương trình môn học, xây dựng hồ sơ giảng dạy và giáo dục;

- Biết xác định các yêu cầu, nội dung cơ bản của bài học, dự kiến các phương pháp và đồ dùng dạy học sẽ sử dụng; biết phân bố thời gian lên lớp và tổ chức các hoạt động dạy;

- Biết vận dụng kiến thức thu thập được từ các đợt thực tế, thực tập sư phạm để giảng dạy ở trường phổ thông, các trường chuyên nghiệp hoặc nghiên cứu ở Viện Khoa học giáo dục phù hợp với chức năng nhiệm vụ được giao.

1.2.1.5. Nắm chắc và vận dụng kiến thức về phương pháp giáo dục, phương pháp nghiên cứu khoa học để thiết kế, tổ chức được các hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường, hoạt động nghiên cứu khoa học và hoạt động tư vấn kỹ năng sống cho học sinh ...

1.2.2. Về kỹ năng

1.2.2.1. Có kỹ năng vận dụng, triển khai có hiệu quả các hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động dạy học Ngữ văn.

1.2.2.2. Có kỹ năng kỹ năng xây dựng và phát triển chương trình dạy học Ngữ văn, thiết kế các hình thức tổ chức hoạt động dạy học Ngữ văn;

- Có khả năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục vào việc nâng cao chất lượng dạy học Ngữ văn.

1.2.2.3. Biết nhìn nhận những mặt mạnh, mặt yếu của các giải pháp đang thực hiện, từ đó đề ra được cách thức giải quyết công việc một cách hiệu quả, tự chủ.

1.2.2.4. Có khả năng phân tích kết quả đánh giá các hoạt động giáo dục, dạy học; vận dụng kết quả đánh giá phục vụ cho việc đổi mới phương pháp, hình thức, tổ chức hoạt động dạy học đồng thời hỗ trợ, tư vấn cho người học.

1.2.2.5. Có thể tổ chức hiệu quả hoạt động dạy học, giáo dục và các hoạt động xã hội, hoạt động tập thể thông qua dạy học môn Ngữ văn.

1.2.2.6. Ngoại ngữ: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam

1.3.1. Mức tự chủ và trách nhiệm

1.3.3.1. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, tạo lập nhóm, quản lý và chịu trách nhiệm trước nhóm; có khả năng hợp tác và chia sẻ với đồng nghiệp.

1.3.3.2. Có khả năng định hướng, đưa ra những quyết định và chịu trách nhiệm trước những quyết định về các vấn đề liên quan đến lĩnh vực chuyên môn.

1.3.3.3. Có tư duy độc lập, có thể phản biện, đồng thời biết tôn trọng những ý kiến khác trong tranh luận, thảo luận.

1.3.3.4. Có khả năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo kiểm tra các hoạt động trong phạm vi phụ trách.

2. Thời gian đào tạo: 04 năm

3. Tổng số tín chỉ tích lũy: 136 tín chỉ

(Chưa bao gồm khối lượng kiến thức Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

4. Đối tượng tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quyết định số 3318/QĐ-ĐHHP ngày 06/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Phòng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Hải Phòng.

6. Cách thức đánh giá

Thực hiện theo Quyết định số 3318/QĐ-ĐHHP ngày 06/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Phòng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Hải Phòng.

7. Nội dung chương trình đào tạo

TT	Mã số HP	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết (theo mã)	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Hướng dẫn SV tự học		
7.1	Kiến thức giáo dục đại cương		30							
7.1.1	Lý luận chính trị		13							
1	PHI5212	Triết học Mác - Lênin	3	30		10		5		2
2	POL5229	Kinh tế chính trị - Mác	2	20		5		5	PHI5212	3

TT	Mã số HP	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết (theo mã)	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Hướng dẫn SV tự học		
		Lênin								
3	POL5230	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	20		5		5	POL5229	4
4	HID5201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	20		5		5	POL5230	5
5	VPL5208	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	20		5		5	HID5201	6
6	LAW5201	Pháp luật đại cương	2	20	10					3
7.1.2	Khoa học xã hội & Khoa học tự nhiên		9							
7	INF5200	Tin học cơ sở	3							2
8	CUL5201	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	25	5					1
9	VIE5201	Tiếng Việt thực hành	2	15	10	5				2
10	PHI5204	Lịch sử tư tưởng phương Đông	2	25		5				4
7.1.3	Ngoại ngữ		8							
11	ENG5201	Tiếng Anh cơ sở 1	4	45	10			5		1
12	ENG5202	Tiếng Anh cơ sở 2	4	45	10			5	ENG5201	2
7.1.4	Các môn học lấy chứng chỉ/chứng nhận									
13	PHE5208	Giáo dục Thể chất 1*	1				28	2		
14	PHE5209	Giáo dục Thể chất 2*	1				28	2		
15	PHE5210	Giáo dục Thể chất 3*	1				28	2		
16	PHE5211	Giáo dục Thể chất 4*	1				28	2		
17	PHE5212	Giáo dục Thể chất 5*	1				28	2		
18	DEF5201	Giáo dục quốc phòng - an ninh*	165 tiết							
19	ADM5201	QL HCNV và QL ngành *	2	20		5		5		7
7.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		106							
7.2.1	Kiến thức ngành và chuyên ngành		65							

TT	Mã số HP	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết (theo mã)	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Hướng dẫn SV tự học		
	Bắt buộc		63							
20	LIT5256	Nguyên lí mỹ học văn chương	2	25		5			2	
21	LIT5204	Văn học dân gian VN	3	40		5			1	
22	LIT5243	Tổng quan văn học trung đại VN	3	40		5			2	
23	LIT5247	Tác gia văn học trung đại VN	3	40		5		LIT5243	3	
24	LIT5248	Tổng quan văn học hiện đại VN	3	40		5		LIT5247	4	
25	LIT5249	Tác gia văn học hiện đại Việt Nam giai đoạn 1900-1945	3	40		5		LIT5248	5	
26	LIT5251	Tác gia văn học hiện đại Việt Nam giai đoạn từ 1945 đến nay	3	40		5		LIT5249	6	
27	LIT5263	Nhập môn lí luận văn học	2	25		5			1	
28	LIT5207	Tác phẩm và thể loại	3	40		5		LIT5263	3	
29	LIT5203	Tiến trình văn học	2	25		5		LIT5207	5	
30	LIT5264	Văn học phương Tây	4	50	5	5			4	
31	LIT5225	Văn học Trung Quốc	3	40		5			5	
32	LIT5231	Văn học Ấn Nhật	3	40		5			3	
33	LIT5226	Văn học Nga	3	40		5			6	
34	LIN5201	Đại cương về ngôn ngữ và ngữ âm tiếng Việt	3	38	5	2			1	

TT	Mã số HP	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết (theo mã)	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Hướng dẫn SV tự học		
35	LIN5214	Từ vựng ngữ nghĩa TV	2	25	5				LIN5201	
36	LIN5216	Ngữ pháp và văn bản tiếng Việt	3	38	5	2			LIN5214	3
37	LIN5218	Phong cách học TV	2	25	5				LIN5216	4
38	LIN5207	Ngữ dụng học	2	25	5				LIN5218	7
39	LIN5248	Cơ sở ngữ văn Hán Nôm	2	25	5					5
40	LIN5231	Văn bản Hán văn Trung Quốc, VN	3	38	5	2			LIN5248	6
41	LIN5232	Văn bản Nôm	2	25	5				LIN5231	7
42	LIT5252	Đọc văn, làm văn	2	25	5					7
43	ENG5290	Tiếng Anh chuyên ngành Ngữ văn	2	20	5			5	ENG5202	6
	Tự chọn		2/6							
44	MET5219	PP luận nghiên cứu văn học	2	25		5				7
45	MET5227	PP nghiên cứu ngôn ngữ	2	25	5					7
46	LIT5259	Văn học và các loại hình nghệ thuật	2	25		5				7
7.2.2	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm		28							
	Bắt buộc		22							
47	PSY5201	Tâm lý học đại cương	2	20			20			1
48	PSY5202	Tâm lý học lứa tuổi và sư phạm THPT	2	20			20		PSY5201	2
49	PED5201	Giáo dục học THPT	3	25			30	5		3
50	MET5201	Lý luận dạy học THPT	2	20			14	3	PED5201	4

TT	Mã số HP	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết (theo mã)	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Hướng dẫn SV tự học		
51	PDE5216	Thực hành thường xuyên (áp dụng đối với cả K20)	1							5
52	PDE5215	Rèn luyện NVSP trung học phổ thông	2	15			30		PSY5202 MET5201	5
53	PED5202	Giao tiếp sư phạm	2	5			40	5	PDE5215	6
54	MET5256	Phương pháp giảng dạy Ngữ văn 1	2	20		5	5			4
55	MET5257	Phương pháp giảng dạy Ngữ văn 2	2	20		5	5		MET5256	5
56	MET5258	Thực hành giảng dạy Ngữ văn 1	2	5			25		MET5256	4
57	MET5259	Thực hành giảng dạy Ngữ văn 2	2	5			25		MET5257	5
	Tự chọn		6/10							
58	PED5203	Đo lường và đánh giá trong giáo dục	2	20			10	5	MET5201	6
59	MET5217	Phương pháp NCKH giáo dục	2	20			10	5	PED5201	6
60	MET5279	Dạy học tiếng Việt ở trường phổ thông	2	20	5		5		LIN5218	6
61	MET5280	Dạy học TPVH ở trường phổ thông theo đặc trưng loại thể	2	20	5		5		LIT5207	7
62	MET5260	Thực tế trải nghiệm Ngữ văn ngoài trường	2							6

TT	Mã số HP	Học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết (theo mã)	Học kỳ dự kiến
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	Thực hành, thí nghiệm	Hướng dẫn SV tự học		
7.2.3	Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận		13							
7.3.1	Thực tập sư phạm		7							
63	TTSP1NV	Thực tập sư phạm 1	3						6	
64	TTSP2NV	Thực tập sư phạm 2	4					PED5219	8	
1.3.2	Tốt nghiệp (khóa luận hoặc học bổ sung)		6/10							
65	LIT5237	Thi pháp văn học Việt Nam	2	25		5		LIT5251	8	
66	LIN5210	Ngôn ngữ và văn học	2	25	5			LIN5207	8	
67	LIT5224	Thi pháp thơ Đường	2	25		5		LIT5225	8	
68	LIT5238	Đại cương văn học so sánh	2	25		5		LIT5203	8	
69	LIT5265	Quá trình hiện đại hóa VHVN từ đầu TK XX đến 1945	2	25		5		LIT5249	8	
70	KLTN_SPNV	Khóa luận tốt nghiệp	6						8	
	Tổng cộng		136							

(Những học phần đánh dấu * không tính vào điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học)